TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DSST
Ngày 29 tháng 3 năm 2018
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tòng Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Tiện, Bà Lường Thị Khuyển.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa: ông Hoàng Văn Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Sông Mã, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc: Xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX - ST ngày 14/3/2018 giữa các đương sự sau đây:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1988. Trú tại: bản C, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn K, sinh năm 1984. Trú tại: bản C, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La. Hiện đang cải tạo tại: Trại giam số 5, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Quàng Văn Th, sinh năm 1985. Là Trưởng bản bản C, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Ông Lò Văn S. Trú tại: bản C, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

3. Bà Lò Thị Ph. Trú tại: bản C, xã N, huyện SM, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27 tháng 10 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày: Chị và anh Lò Văn K sau một Th gian tìm hiểu yêu đương đã chung sống với nhau như vợ chồng tại xã H, huyện QN, tỉnh Sơn La, không đăng ký kết hôn, tuy nhiên đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh K không tu chí làm ăn lương thiện, sa vào nghiện ngập, tháng 6/2007 anh K đã phải đi cai nghiện bắt buộc với Th gian 03 tháng, tuy nhiên sau khi cai nghiện trở về anh vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, đến tháng 11/2007 anh K bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, cuộc sống chung luôn xảy ra mâu thuẫn, bất hòa; đến năm 2012 gia đình anh chị di dân từ huyện QN đến huyện SM sống nhưng cuộc sống chung vẫn tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, tháng 02/2014 anh K tiếp tục bị kết án 09 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh K đang phải đi thi hành án tại Trại giam Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh K nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh K.

Về con chung: anh chị có hai con chung là cháu Lò Thị D (sinh ngày 16/12/2007), và Lò Văn Q (sinh ngày 07/5/2009) nếu ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: là nhà và đất ở bản C, xã N sẽ tạm Th do chị T quản lý và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho ông Quàng Văn Th (là trưởng bản bản C) quản lý hộ, khi nào anh K thi hành án xong trở về địa phương sẽ tiếp tục tự giải quyết, nên hiện nay không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: quá trình chung sống hai vợ chồng có làm được 13 cái chăn, 12 cái đệm, 01 két bạc, 02 mảnh ri đô mỗi mảnh che được 02 gian, 02 cái loa, 02 âm ly, 01 con dê đực, 01 cuộn vải thái trắng. Chị đề nghị chia như sau:

+ Chia cho anh K: 07 cái chăn, 06 cái đệm, 01 két bạc, 01 mảnh ri đô che được 02 gian, 01 cái loa, 01 âm ly, 01 con dê đực, 01 cuộn vải thái trắng.

+ Chia cho chị T: 06 cái đệm, 06 cái chăn, 01 bếp ga, 01 nồi quân dụng, 01 ri đô che được 02 gian, 01 loa, 01 đầu đĩa.

Đối với việc chia các tài sản trên đã có biên bản thỏa thuận tự chia giữa hai gia đình tại biên bản ghi nhận ngày 06/8/2017 nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: anh chị có nợ của ông Lò Văn S và bà Lò Thị Ph (là bố mẹ đẻ của anh K) số tiền là 6.000.000đ, ông S bà Ph đề nghị anh K và chị T mỗi

người phải trả một nửa và khi nào anh K thi hành án xong trở về sẽ giải quyết, hiện nay không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản anh chị được tặng cho riêng, chị đề nghị sẽ trả lại cho các bên đã tặng cho, cụ thể:

+ Bố mẹ chị T cho, gồm: 01 tủ tường, 01 máy lọc nước, 01 ninh nhôm sôi cơm, 01 nồi quân dụng, 01 tủ đựng quần áo. Số tài sản này trả lại cho bố mẹ chị T.

+ Bố mẹ anh K cho, gồm: 01 ti vi, 01 cái giường, 02 chiếc xoong nhỏ trả lại cho bố mẹ anh K.

Tại phiên tòa chị T đề nghị đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị đề nghị khi nào anh K thi hành xong trở về địa phương sẽ giải quyết sau.

Theo kết quả ủy thác lấy lời khai, tại bản tự khai đề ngày 29/11/2017 anh K trình bày: anh và chị T tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện QN, tỉnh Sơn La. Anh chị có hai con chung. Anh cho rằng giữa anh và chị T không có mâu thuẫn tình cảm gì vì vậy anh không nhất trí ly hôn, và không nhất trí để chị T nuôi dưỡng cả hai con chung.

Đối với số tài sản riêng mà anh và chị được hai bên gia đình nội ngoại tặng cho riêng anh nhất trí trả lại như ý kiến của chị T đề nghị, cụ thể:

- Trả lại cho bố mẹ chị T: 01 tủ tường, 01 máy lọc nước, 01 ninh nhôm sôi cơm, 01 nồi quân dụng, 01 tủ đựng quần áo.

- Trả lại cho bố mẹ anh K: 1 ti vi, 01 cái giường, 02 chiếc xoong nhỏ.

Còn về các tài sản chung, nợ chung: anh không nhất trí giải quyết tại vụ án này mà đề nghị khi nào anh thi hành án xong trở về mới giải quyết.

Do đang phải chấp hành án tại Trại giam số 5, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, anh K không thể có mặt tại phiên tòa được, ngày 29 tháng 11 năm 2017 anh K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Quàng Văn Th trình bày: anh Lò Văn K và chị Lò Thị T di dân từ huyện QN đến huyện SM sinh sống vào năm 2012. Hiện nay anh đang nhất trí giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lò Văn K và chị Lò Thị T do anh được chị T và hai bên gia đình đề nghị anh với cương vị là trưởng bản bản C, xã N giữ hộ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn S, bà Lò Thị Ph trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2018 thể hiện: ông bà xác nhận anh K và chị T có nợ ông bà số tiền là 6.000.000đ để mua gỗ làm nhà, ông bà đề

nghị anh chị phải có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền trên, tuy nhiên hiện nay anh K đang đi thi hành án nên ông bà đề nghị khi nào anh K thi hành án xong trở về sẽ giải quyết sau, không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông, bà đã có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/3/2018.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình giám sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước Th điểm xét xử sơ thẩm đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh K là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: căn cứ các điều 14, 15, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn K. Giao hai con chung là cháu Lò Thị D (sinh ngày 16/12/2007), và Lò Văn Q (sinh ngày 07/5/2009) cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Đối với phần chia tài sản riêng, tài sản chung và nợ chung do các bên đương sự đều nghị không giải quyết nên không xem xét tại vụ án này.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hồ sơ có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn anh Lò Văn K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn S, bà Lò Thị Ph đã được Tòa án tiến hành lấy lời khai thu thập chứng cứ, anh K, ông S, bà Ph đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa vì vậy căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn K khai anh và chị Lò Thị T có đăng ký kết hôn nhưng anh, chị đã di dân từ xã H, huyện QN về xã N, huyện SM theo chương trình di dân lòng hồ thủy điện Sơn La nên không có đủ căn cứ chứng minh việc đăng ký kết hôn của anh chị vì vậy căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp có đủ cơ sở xác định chị Lò Thị T và anh Lò Văn K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật, căn cứ vào khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không chấp nhận việc kết hôn của anh chị là hợp pháp, cần tuyên xử

không công nhận là vợ chồng giữa chị T và anh K.

Về con chung: hai con chung là cháu Lò Thị D (sinh ngày 16/12/2007), và Lò Văn Q (sinh ngày 07/5/2009) cần giao cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục thì mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, vì bản thân anh K hiện đang đi thi hành án phạt tù nên không thể có điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu và bản thân các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng chị T, vì vậy cần giao các cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu nên anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng cần chấp nhận, sau này anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về chia tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự đều không đề nghị Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 16, điều 53, khoản 1 điều 56, 57, 58, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 203, 227, 228, 266, 267, 268 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24, 26 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tình cảm:

Tuyên bố: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn K.

2. Về con chung: giao các cháu Lò Thị D (sinh ngày 16/12/2007), và Lò Văn Q (sinh ngày 07/5/2009) cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, anh K có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc các con, chị T không được ngăn cản, anh Lò Văn K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2013/04403 ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

Chị Lò Thị T, anh Quàng Văn Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2018), anh Lò Văn K, ông Lò Văn S, bà Lò Thị Ph được quyền kháng cáo trong Th hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tòng Thị Hồng